TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-PT
Ngày: 24-8-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2021/TLPT ngày 04/6/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Ngọc V, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Tân Đồng, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị T1, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước,

Người kháng cáo: Bị đơn bà Tạ Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đăng T và đại diện theo ủy quyền Đồng Ngọc V thống nhất trình bày:*

Trước đây ông T và bà Tạ Thị T1 có quan hệ tình cảm với nhau, bà T1 có nhờ ông vay hộ số tiền 55.000.000 đồng để mua đất. Khi ông đưa cho bà T1 55.000.000 đồng thì yêu cầu bà T1 viết giấy nhận nợ. Chính tay bà T1 viết và ký tên vào giấy nhận nợ nhưng lại không ghi ngày tháng năm vào. Ông có yêu cầu bà T1 viết thì bà không viết nên ông phải tự viết ngày tháng năm nhận nợ vào để nhớ thời gian vay. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng nhưng bà T1 lại không ghi vào trong giấy nhận nợ. Khi vay bà T1 chỉ nói vay mấy bữa rồi trả nhưng viết giấy hẹn 02 tháng trả nợ, ông Tnói nếu trả trong 02 tháng thì không tính lãi, quá 02 tháng sẽ tính lãi. Hết thời hạn bà T1 vẫn không trả mặc dù ông có đòi nhiều lần nên ông mới làm đơn gửi UBND phường Tân Thiện yêu cầu giải quyết, tại UBND phường bà T1 cũng thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền nợ gốc với phương án đến 30/7/2020 sẽ trả 25.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả hết vào ngày 30/5/2021 nên ông không yêu cầu phải trả lãi, nhưng do bà T1 không thực hiện nên ông vẫn yêu cầu bà T1 phải trả lãi suất. Ông đề nghị TAND thành phố Đ buộc bà Tạ Thị T1 phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay là 08/4/2018 đến ngày trả xong nợ vay với lãi suất thỏa thuận ban đầu là 1,5%/tháng tạm tính là 35 tháng với số tiền 28.875.000 đồng. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Tạ Thị T1 trình bày:

Trước đây bà có mối quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Đăng T, ông bà có chung sống như vợ chồng được gần 02 năm. Trong quá trình chung sống, ông Tlà người bỏ tiền để chi phí sinh hoạt thường ngày. Trong thời gian này bà có thai với ông T nhưng bà không muốn giữ thai thì ông T ép bà phải ký giấy vay tiền 55.000.000 đồng nếu muốn bỏ thai, còn không ông sẽ nói với cơ quan nơi bà đang công tác việc bà bỏ thai. Đây là số tiền ông T chi tiêu khi cả hai chung sống như tiền thuê nhà, tiền ăn uống, tiền thuốc men, tiền siêu âm,…ông Tnói 2-3 tháng nữa ông bà cưới nhau thì sẽ xé bỏ tờ giấy này. Do bà tin tưởng nên mới kí vào giấy vay tiền nhưng sau đó ông T có người phụ nữ khác nên ông bà không quen nhau nữa. Đây không phải là tiền vay nên không có thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả nợ, khi viết giấy nợ bà cũng không ghi ngày tháng vào vì thực tế không có đưa số tiền 55.000.000 đồng. Tại UBND phường khi nghe hòa giải bà muốn cho xong chuyện nên mới đồng ý ký tên nay bà không đồng ý trả nợ cho ông T. Bà T1 không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng T.

Buộc bà Tạ Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Đăng T số tiền nợ gốc 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 15.064.500 đồng (Mười lăm triệu không trăm sáu tư ngàn năm trăm đồng). Ngoài ra, bà Tạ Thị T1 còn phải tiếp tục trả cho ông Ttiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/3/2021 cho đến khi trả xong

nợ vay với lãi suất 0,83%/tháng của số nợ gốc 55.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/3/2021 bị đơn bà Tạ Thị T1 có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên hủy bản án sơ thẩm, tuyên giao dịch giữa bà T1 và ông T vô hiệu do bị ép buộc và không có thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông V thống nhất rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính tiền lãi suất.

Bị đơn bà T1: Đồng ý việc rút một phần yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 299, Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy một phần bản án và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị T1 làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giấy vay tiền đề ngày 08/4/2018 thể hiện nội dung bà Tạ Thị T1 viết có vay của ông Nguyễn Đăng T số tiền 55.000.000 đồng, hẹn 02 tháng trả. Tại biên bản làm việc ngày 12/5/2020 của UBND phường Tân Thiện và quá trình hòa giải tại Tòa án bà T1 thừa nhận có ghi giấy nợ, đồng ý trả nợ. Điều này được bà T1 và ông Tthừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày vay thể hiện ngày 08/4/2018, ông T cho rằng ông tự ghi vào do bà T1 không ghi. Theo lời khai của bà T1(bút lục 23) bà không ghi "08-4-2018" nhưng bà thừa nhận bà viết giấy vay vào khoảng tháng 4-5 năm 2018 nên thời gian bà T1 khai viết giấy vay tương đối phù hợp với giấy vay do ông T cung cấp.

Tuy nhiên, bà T1 cho rằng giữa bà T1 và ông T có mối quan hệ tình cảm, viết giấy vay tiền là do ông T ép buộc, thực tế bà T1 không nhận số tiền này nhưng bà T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nội dung trình bày của mình. Khi viết giấy vay bà T1 không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, bà T1 đã xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của mình. Hơn nữa, khi xảy ra tranh chấp tại UBND phường Tân Thiện bà T1 thống nhất thừa nhận nợ và đưa ra phương thức trả nợ nhưng lại không thực hiện. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà T1 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; phía bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm cũng đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện này. Căn cứ Điều 299 Bộ luật TTDS, Hội đồng xét xử quyết định hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án. Vì vậy, bà T1 phải chịu một phần án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên bà T1phải chịu một phần.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 299, Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận nguyên đơn ông Nguyễn Đăng T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng T.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị T1.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Đăng T.

Buộc chị Tạ Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Đăng T số tiền nợ gốc 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đăng T phải chịu 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Tđã nộp là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0025104 ngày 18/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài hoàn trả cho ông T số tiền còn lại là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Tạ Thị T1 phải chịu 3.503.000 đồng (Ba triệu năm trăm lẻ ba ngàn đồng).

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị T1 phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026209 ngày 23/4/2021. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà T1 150.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Hùng